

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2026/HC - ST

Ngày: 19/03/2026.

V/v: *Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Sơn**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Bá Duy** và ông **Bành Trọng Bình**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Tuấn** – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Dương Công** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HC ngày 05/11/2025, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HC ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

1/ Người khởi kiện: Bà **Đặng Thị Bích T** – sinh năm 1972.

Địa chỉ: 6 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Bích T:* Bà **Hoàng Thị Đ** – sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2/ Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Trung tâm huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Đã chấm dứt hoạt động từ ngày 01/7/2025).

- *Người kế thừa, quyền và nghĩa vụ tố tụng:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **E, tỉnh Đắk Lắk**.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk:* Ông **Trương Văn L** – Phó chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tổng Công ty P – Công ty Cổ phần.

Địa chỉ: 6 N, Khu đô thị S, phường A, Tp ..

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Lê Văn D**, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số F, đường N, khu đô thị S, phường A, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty P, Công ty Cổ phần:

- Ông **Trần Văn K** – chức vụ: Giám đốc Công ty T1 – Chi nhánh Công ty P1 – Công ty Cổ phần (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Văn H** – Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính và Lao động, Công ty T1 – Chi nhánh Công ty P1 – Công ty Cổ phần (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1966 (chồng bà T)
Địa chỉ: 6 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người được người khởi kiện ủy quyền trình bày có nội dung như sau:

Năm 1990, gia đình bà Đặng Thị Bích T tự khai hoang, phục hóa một số diện tích đất canh tác nông nghiệp tại thôn B, xã E, huyện B (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), các thửa đất đã được nhà nước cấp giấy CNQSDĐ theo quy định pháp luật.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước để xây dựng đập Thủy điện Srêpôk 3, do diện tích đất nằm trong lòng hồ thủy điện nên cuối năm 2011, UBND huyện B ban hành quyết định số 3845/QĐ UBND ngày 09/12/2011 về phê duyệt Hiệu chỉnh QĐ số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ đợt 2 trên địa bàn 2 xã T và xã E, huyện B thuộc công trình Thủy điện Srêpôk 3, trong đó đã bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà T một số diện tích đất canh tác nông nghiệp, cây trồng.

Tuy nhiên, trên diện tích đất bị nhà nước thu hồi được bồi thường hỗ trợ này thì gia đình bà T đã đầu tư xây dựng một bể nước vào khoảng tháng 4/2010, có kích thước 16 m x 8 m x 1.2 m với tổng dung tích là 153,60 m³ nhưng không được các cơ quan chức năng của nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T theo quy định pháp luật hiện hành, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T.

Kể từ khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm thì vào năm 2012 đến nay gia đình bà T đã cùng 14 hộ dân đã nhiều lần và liên tục tìm đến chính quyền địa phương các cấp để trình bày, khiếu nại và cho đến nay đã có 12 hộ dân có bể nước đã được giải quyết theo quy định pháp luật.

Bể nước của bà T có tổng dung tích là 153,60m², hiện đã chìm dưới lòng hồ thủy điện, phía công ty P1 đã có biên bản xác minh hiện trạng ngày 27/4/2011 đối với tài sản này. Do gia đình bà T hiện nay chưa được UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk bồi thường, hỗ trợ số tiền bể nước nuôi trồng thủy sản nêu trên. Do đó bà đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk giải quyết: Buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk phải lập phương án để tiến hành bồi thường, hỗ trợ bể nước nuôi trồng thủy sản cho gia đình bà T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk là ông Trương Văn L vắng mặt, tại bản tự khai ngày 03/12/2025, ông Trương Văn L trình bày nội dung như sau:

I/. Căn cứ, trình tự thủ tục và nội dung khi ban hành Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 và Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011.

Căn cứ các biên bản xác minh hiện trạng đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng của các hộ dân bị thu hồi đất trong khu vực giải toả xây dựng công trình thủy điện P1, hạng mục: tăng dày rãnh lòng hồ của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện P1.

Căn cứ Biên bản họp thẩm định ngày 05/10/2011 của Hội đồng thẩm định về thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Ngày 07/10/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2688/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 131 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã T, E phục vụ thi

công: Hạng mục ngập dày mốc đợt 2 Công trình thủy điện P1, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/10/2011, UBND huyện ban hành Quyết định số 2910/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng, mặt bằng hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 02 xã E và T huyện B thuộc công trình nhà máy P1.

Ngày 09/12/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Thủy điện SrêPôk 3 ban hành phương án số 29/PA-BTHT về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình Thủy điện SrêPôk 3, hạng mục công trình: Phương án Hiệu chỉnh Quyết định số 2910-QĐ/UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện. Lý do hiệu chỉnh: Tại Quyết định số 2910 đã phê duyệt còn một số các loại cây trồng như chuối và các loại cây trồng hàng năm khác có mật độ trồng dày so với mật độ quy định tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, tài sản, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, nên Hội đồng kiểm tra không áp giá bồi thường cho các loại cây trồng vượt mật độ theo đúng quy định. Các loại cây trồng dày và trồng xen Hội đồng làm Tờ trình xin ý kiến với UBND tỉnh xem xét hỗ trợ tránh thiệt thòi cho người dân bị thu hồi đất.

Cùng ngày, UBND huyện ban hành Quyết định số 3845/QĐ-UBND về việc phê duyệt Hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng, mặt bằng hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 02 xã E và T huyện B thuộc công trình nhà máy P1.

Như vậy, UBND huyện ban hành các Quyết định số 2910/QĐ-UBND và Quyết định số 3845/QĐ-UBND là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Căn cứ pháp lý thực hiện: Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T2, Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Đ, Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Đ, Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đ, Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của UBND tỉnh Đ,

- Ý kiến, kiến nghị, quan điểm của UBND xã E: đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được Tổng Công ty P - Công ty cổ phần Ủ văng mặt, tại văn bản ngày 11/12/2025 trình bày có nội dung như sau:

Công trình thủy điện (CTTĐ) Srêpôk 3 có công suất 220MW, được khởi công vào cuối năm 2005, bắt đầu tích nước và phát điện vào năm 2010. Trong quá trình thi công xây dựng công trình (X), Ban quản lý dự án (QLDA) Thủy điện 5 đã phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ - tái định cư công trình thủy điện P1 (do UBND huyện B thành lập) và các đơn vị chức năng liên quan xúc tiến công tác bồi thường, hỗ trợ (BTHT), giải phóng mặt bằng (GPMB) và tái định canh, tái định cư (TĐC) theo tiến độ thi công XDCT.

Hồ thủy điện P1 được bắt đầu tích nước vào ngày 12/5/2010 và đạt mực nước dâng bình thường (MNDBT) vào ngày 23/6/2010. Trong quá trình tích nước đến MNDBT, Ban Q đã nhận được phản ánh của các hộ dân và chính quyền địa phương về việc nước hồ ở một số khu vực đã ngập vượt mốc ranh lòng hồ đã được BTHT, GPMB trước đây, nên Ban Q đã mời Tư vấn khảo sát thiết kế, cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ, đo đạc địa chính để xác định diện tích đất cần thu hồi bổ sung cho công trình xây dựng lòng hồ. Căn cứ hồ sơ địa chính được lập bổ sung, Hội đồng BTHT-TĐC công trình thủy điện P1 huyện B tiến hành kiểm kê và lập phương án BTHT trình cấp thẩm quyền phê duyệt để chi trả bổ sung cho người dân. Hồ sơ BTHT được lập theo 02 đợt cắm bổ sung mốc ranh giới lòng hồ và tiến hành chi trả tiền BTHT cho các hộ dân theo các phương án.

BTHT được phê duyệt tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 và Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B. Trong số các hộ dân được BTHT theo các Quyết định số 3206 và 3845 nêu trên, có 14 hộ (trong đó có hộ bà Đặng Thị Bích T) có bể nước với dung tích trên 15m³ đã được kiểm kê, nằm trên đất được thu hồi bổ sung để xây dựng lòng hồ, nhưng do các bể không đảm bảo chất lượng xây dựng, không sử dụng được (không chứa được nước), nên Hội đồng BTHT không áp giá đền bù mà gác lại để xin ý kiến UBND tỉnh. Sau khi quyết toán hoàn thành dự án và thực hiện thủ tục bàn giao, C đầu tư cho đơn vị phát điện, Ban Q đã bàn giao các công việc còn lại của dự án thủy điện Srêpôk 3 cho Tổng Công ty P2 vào tháng 6/2013. Khi tiếp nhận bàn giao các công việc còn lại của dự án thủy điện Srêpôk 3, Công ty T1 không nhận được thông tin gì về các bể nước trên đất lòng hồ thủy điện P1. Mãi đến tháng 9/2020 (sau 10 năm), Công ty mới nhận được văn bản của địa phương đề nghị phối hợp giải quyết.

Sau một thời gian với nhiều cuộc họp do UBND huyện B chủ trì để xem xét, lấy ý kiến về các phương án giải quyết; căn cứ kết luận của Lãnh đạo UBND huyện, Công ty đã hoàn thiện dự toán chi phí xây dựng bể nước của 14 hộ dân trong khu vực giải tỏa XDCT lòng hồ thủy điện Srêpôk 3 và trình UBND huyện B. Dự toán đã được thẩm định và được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022. Tiếp đó, UBND huyện có văn bản số 94/UBNDTNMT ngày 28/01/2022 giao Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập phương án BTHT bể nước và thực hiện công tác BTHT cho các hộ dân. Tuy nhiên, sau một thời gian Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện không triển khai lập phương án BTHT theo dự toán chi phí đã được phê duyệt, UBND huyện B đã tổ chức rà soát lại hồ sơ và sau đó đã ban hành Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 hủy bỏ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 nêu trên.

Qua quá trình xem xét hồ sơ BTHT bể nước, được biết tuy hầu hết các hộ dân kê khai xây dựng bể nước trước thời điểm tích nước hồ thủy điện P1, nhưng đều là công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng, không chứa được nước, nên UBND huyện không lập phương án BTHT chi phí xây dựng các bể nước đã nêu, mà đề nghị Công ty T1 thỏa thuận với các hộ dân để hỗ trợ chi phí xây dựng các bể nước trên cơ sở dự toán được phê duyệt tại Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 nêu trên. Tuy nhiên, Công ty T1 không thể sử dụng nguồn vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để BTHT cho các hộ dân khi chưa có phương án BTHT được phê duyệt bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 21/02/2024, có 06 hộ dân có Đơn khởi kiện và được TAND tỉnh Đắk Lắk thụ lý vụ án hành chính số 47/2024/TLST-HC ngày 06/3/2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa 06 Người khởi kiện và Người bị kiện là UBND huyện B. Ngày 22/8/2024, TAND tỉnh Đắk Lắk đã xét xử sơ thẩm vụ án của 06 hộ dân khác (có tình trạng pháp lý tương tự bà T) tại Bản án số 144/2024/HC-ST. Tòa án đã tuyên buộc chính quyền địa phương phải lập phương án bồi thường cho người dân.

Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 ban hành để phê duyệt hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện B, sau khi xem xét lại việc áp giá bồi thường một số cây trồng có mật độ trồng vượt mật độ quy định. Căn cứ án lệ nêu trên, Công ty đã chủ động rà soát, lập lại dự toán chi phí xây dựng mới cho 08 hộ dân còn lại (bao gồm hộ bà T) và có Tờ trình số 2159/TTr-TĐBK ngày 18/8/2025 trình UBND xã E (đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ liên quan sau khi sắp xếp đơn vị hành chính) xem xét phê duyệt dự toán và lập phương án BTHT. Trong đó, giá trị dự toán xây dựng mới bề nước của hộ bà Đặng Thị Bích T được Công ty T3 trình phê duyệt là 100.528.000 đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, UBND xã E vẫn chưa có quyết định phê duyệt dự toán và chưa lập phương án BTHT theo đề nghị của Công ty.

Về ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích T: Dù hiện trạng bề nước của bà T không sử dụng được, nhưng Tòa án có thẩm quyền đã xem xét yêu cầu khởi kiện của các người dân có tình trạng bề nước tương tự và đã buộc chính quyền địa phương lập phương án BTHT cho các hộ dân (Bản án số 144/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk), nên bà Đặng Thị Bích T khởi kiện UBND xã E do chưa được giải quyết BTHT bề nước là đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, người đại diện theo uỷ quyền của ông H1 là bà Hoàng Thị Đ có nội dung trình bày giống như ý kiến của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đắk Lắk trình bày ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích T về việc buộc UBND xã E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện B) thực hiện hành vi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về tài sản là bề nước cho gia đình bà Đặng Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

- *Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:* Ngày 09/12/2011, UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 3845/QĐ-UBND về việc phê duyệt hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 2 xã T và E huyện B thuộc công trình nhà máy P1,

trong đó có bồi thường hỗ trợ cho bà Đặng Thị Bích T. Ngày 25/01/2022, UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 511/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán chi phí xây dựng bể nước của 14 hộ dân trong khu vực giải tỏa xây dựng công trình lòng hồ thủy điện S (trong đó có bà Đặng Thị Bích T). Ngày 11/10/2023, UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3952/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND huyện B. Bà Đặng Thị Bích T cho rằng việc UBND huyện B chưa bồi thường, hỗ trợ nuôi trồng thủy sản cho gia đình bà là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị Đ làm đơn khiếu nại, ngày 17/10/2023 UBND huyện B đã có công văn số 501/UBND-TNMT v/v hướng dẫn đơn của công dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ đối với 14 hộ dân thuộc diện thu hồi đất Công trình thủy điện S, đã hướng dẫn bà đến liên hệ với Công ty T1 để được xem xét, giải quyết. Ngày 18/8/2025 Công ty T1 đã có Tờ trình số 2159/TTr – TĐBK đề nghị UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk phê duyệt dự toán, lập phương án bồi thường hỗ trợ cho 08 hộ dân, trong đó có bà Đặng Thị Bích T, tuy nhiên UBND xã E vẫn không ra quyết định phê duyệt dự toán và lập phương án bồi thường hỗ trợ cho 08 hộ dân, trong đó có bà Đặng Thị Bích T nên ngày 15/10/2025 bà Đặng Thị Bích T đã khởi kiện, đây là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; theo quy định tại Điều 30, Điều 31 và Điều 31a Luật tổ tụng hành chính, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu của người khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đắk Lắk và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng sau khi sáp nhập:

Theo đơn khởi kiện thì bà Đặng Thị Bích T xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B và bể nước mà người khởi kiện yêu cầu xem xét tại xã E. Như vậy, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐCP của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai thì Hội đồng xét xử cần xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện B là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đối với người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã E và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty P – Công ty cổ phần vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Đặng Thị Bích T, xét thấy:

[2.1] Ngày 07/10/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2688/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 131 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã T, E phục vụ thi công: Hạng mục ngập tăng dày mốc đợt 2 – Công trình thủy điện P1, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có thu hồi 1.081m² đất của bà Đặng Thị Bích T.

Tại biên bản xác định hiện trạng ngày 27/04/2011 thể hiện hộ bà Đặng Thị Bích T có 01 bể nước xây gạch bê tông + bậc thang có trát vữa 2 mặt, nền móng xi

mãng có thể tích 153,60m³, năm xây dựng tháng 4/2010 (có ghi chú 8x16x1,2 không chứa được nước).

Tại Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B về việc phê duyệt hiệu chỉnh Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ hạng mục cắm mốc tăng dày, bổ sung mốc ranh giới lòng hồ đợt 2, trên địa bàn 2 xã T và E, huyện B thuộc công trình nhà máy P1, trong đó có nội dung bồi thường tài sản của bà Đặng Thị Bích T. Tuy nhiên, tại bảng kê chi tiết bồi thường hỗ trợ phân tài sản của bà Đặng Thị Bích T có bể nước, nhưng tại mục ghi chú thể hiện chờ ý kiến tỉnh, không thể hiện số tiền bồi thường.

[2.2] Tại khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

“2. Khi Nhà nước thu hồi đất, người bị thu hồi đất không được bồi thường về tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản gắn liền với đất được tạo ra tại khu vực đất bị thu hồi sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được công bố mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Tài sản gắn liền với đất được tạo ra trước khi có quyết định thu hồi đất mà trái với mục đích sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại thời điểm xây dựng công trình đó;

c) Đất bị thu hồi thuộc các trường hợp quy định tại các khoản 4, 6, 7 và 10 Điều 38 của Luật này.”

Như vậy, theo Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện B chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do chờ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tính đến thời điểm hiện tại, UBND huyện B chưa phê duyệt phương án bồi thường đối với bể nước là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Đặng Thị Bích T.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích T là có căn cứ, cần chấp nhận, để buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bể nước trong lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 cho bà Đặng Thị Bích T theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. người thừa kế quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31, khoản 3 Điều 31a; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính Phủ.

Áp dụng Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 102 của Luật Đất đai năm 2024; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Đặng Thị Bích T. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bề nước trong lòng hồ thủy điện Sêrêpôk 3 cho bà Đặng Thị Bích T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk) phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Bích T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003860 ngày 03/11/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND Khu vực ;
- Các đương sự;
- Phòng THA DS Khu vực ;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Bùi Xuân Sơn